

TÁC ĐỘNG CỦA CÁC CƠ CHẾ TÀI CHÍNH VÀ CHÍNH SÁCH THUẾ ĐẾN THỊ TRƯỜNG TÍN CHỈ CARBON TỰ NGUYỆN

ThS LÊ THỊ THANH THANH

Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

University of Economics Ho Chi Minh City

Email: thanhhtt.3071@ueh.edu.vn

ThS PHẠM HOÀNG PHÚC

Trường Đại học Yersin Đà Lạt

Yersin University of Dalat

Email: phucph@yersin.edu.vn

Tóm tắt

Thị trường tín chỉ carbon tự nguyện (Voluntary carbon market, VCM) đóng vai trò quan trọng trong nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy các hoạt động kinh tế xanh. Tuy nhiên, sự phát triển của thị trường này chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các cơ chế tài chính và chính sách thuế, vốn có thể tạo ra động lực hoặc trở thành rào cản đối với việc giao dịch tín chỉ carbon. Bài tham luận này phân tích tác động của các cơ chế tài chính và chính sách thuế đối với sự phát triển của VCM. Thông qua nghiên cứu kinh nghiệm Liên minh châu Âu, Hoa Kỳ, Singapore và Canada, bài viết đánh giá những mô hình pháp lý phù hợp với bối cảnh Việt Nam và đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo tính minh bạch, hiệu quả và khả thi trong quá trình xây dựng một hành lang pháp lý vững chắc, tạo điều kiện thuận lợi cho thị trường tín chỉ carbon tự nguyện phát triển bền vững tại Việt Nam.

Từ khóa: thị trường tín chỉ carbon tự nguyện, chính sách thuế, giảm phát thải, thuế bảo vệ môi trường, tài chính xanh

Abstract

The Voluntary carbon Market (VCM) plays a crucial role in efforts to reduce greenhouse gas emissions and promote green economic activities. However, the development of this market is deeply influenced by financial mechanisms and tax policies, which can either serve as incentives or pose barriers to carbon credit trading. This paper analyses the impact of financial mechanisms and tax policies on the development of the VCM. In particular, through a study of experience from the European Union, the United States, Singapore, and Canada, the paper evaluates legal models that are suitable for Vietnam's context. At the same time, it proposes solutions to ensure transparency, efficiency, and feasibility in the process of building a robust legal framework that facilitates the sustainable development of the voluntary carbon market in Vietnam.

Keywords: Voluntary Carbon Market, tax policy, emission reduction, environmental protection tax, green finance

DOI: <https://doi.org/10.70236/khplvn.455>

Ngày nhận bài: 30/06/2025

Ngày duyệt đăng: 15/10/2025

Biến đổi khí hậu đang là một trong những thách thức nghiêm trọng nhất của nhân loại trong thế kỷ 21.¹ Theo các cảnh báo từ giới khoa học, để hạn chế mức tăng nhiệt độ toàn cầu không vượt quá 1,5°C so với thời kỳ tiền công nghiệp – ngưỡng được coi là tương đối an toàn – thế giới cần cắt giảm ít nhất 43% lượng phát thải khí nhà kính vào năm 2030.² Trong bối cảnh đó, thị trường tín chỉ carbon, đặc biệt là thị trường tín chỉ carbon tự nguyện (Voluntary Carbon Market, VCM) đã và đang nổi lên như một công cụ hiệu quả để hỗ trợ nỗ lực giảm phát thải toàn cầu.³ Sự phát triển này không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội của các chủ thể tham gia mà còn góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ, ứng dụng các giải pháp thân thiện với môi trường và định giá

1 Phùng Thị Yến và Vũ Thị Kiều Trang, “Khung pháp lý quốc tế về quyền carbon và quyền phát thải”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 11(183), 2024, tr. 93, DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.164>

2 Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC), “Climate change 2022: Mitigation of climate change”, *Contribution of Working Group III to the Sixth Assessment Report of the Intergovernmental Panel on Climate Change (IPCC)*, 2022, <https://www.ipcc.ch/report/ar6/wg3/>, truy cập ngày 15/03/2025

3 Ayomikun David Ajayi, Lindiwe Hayo, Joel Paul Iliya, Hideo Hasegawa, “Exploring voluntary carbon markets as a tool for sustainable agriculture in Nigeria: Opportunities and challenges”, *Scientific African*, Vol. 29, September 2025, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.sciaf.2025.e02923>

khí thải carbon trong các hoạt động sản xuất – kinh doanh.⁴ Trên thế giới, nhiều quốc gia đã nhận thức rõ vai trò của VCM, xây dựng hệ thống thể chế đồng bộ nhằm hỗ trợ thị trường này phát triển, các chính sách tài chính và thuế đóng vai trò then chốt trong việc tạo động lực thị trường, gia tăng tính hấp dẫn cho nhà đầu tư, đảm bảo tính minh bạch và hiệu quả trong vận hành. Trong bối cảnh Việt Nam đã cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 tại Hội nghị COP26, việc hoàn thiện khung pháp lý để hỗ trợ và thúc đẩy thị trường VCM trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.⁵ Mặc dù, Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) năm 2020 đã bước đầu đặt nền móng pháp lý cho việc hình thành thị trường carbon, trong đó có cả thị trường tín chỉ carbon tự nguyện. Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn sơ khai, thiếu vắng một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đặc biệt là các cơ chế tài chính – thuế phù hợp để hỗ trợ các chủ thể tham gia thị trường.

1. Cơ sở lý luận về thị trường tín chỉ carbon tự nguyện, cơ chế tài chính và chính sách thuế tác động đến thị trường tín chỉ carbon

1.1. Khung pháp lý về thị trường tín chỉ carbon tự nguyện

Việc giảm lượng khí nhà kính trong khí quyển là yếu tố then chốt để hạn chế những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Nỗ lực toàn cầu này được triển khai thông qua hai cơ chế chính: thị trường carbon bắt buộc (*compliance market*) và thị trường carbon tự nguyện (VCM).⁶ Thị trường bắt buộc được điều chỉnh bởi các cơ chế pháp lý có tính ràng buộc ở cấp quốc gia, khu vực hoặc quốc tế, và thường áp dụng đối với các ngành phát thải lớn như sản xuất thép, lọc hóa dầu, phát điện, hàng không và công nghiệp chế biến nặng. Các chủ thể trong thị trường này có nghĩa vụ pháp lý phải nắm giữ và nộp lại lượng hạn ngạch phát thải tương ứng với lượng khí thải mà họ phát ra.⁷ Ngược lại, VCM hoạt động độc lập với các nghĩa vụ pháp lý nêu trên. Trong cơ chế này, các tín chỉ carbon tự nguyện được tạo ra từ các dự án giảm phát thải hoặc loại bỏ khí nhà kính, thường do các tổ chức tư nhân thực hiện.⁸ Các tín chỉ này được các doanh nghiệp (DN), tổ chức hoặc cá nhân mua nhằm bù đắp lượng khí thải của mình một cách tự nguyện, trong khuôn khổ cam kết phát triển bền vững hoặc chiến lược chuyển đổi sang nền kinh tế phát thải thấp.⁹ Mỗi tín chỉ carbon tự nguyện thường tương ứng với việc loại bỏ hoặc tránh phát thải một tấn CO₂ hoặc khí nhà kính tương đương. Các kết quả giảm phát thải này có thể đạt được thông qua các dự án sinh thái như trồng rừng, phục hồi rừng hoặc áp dụng công nghệ hiện đại như thu giữ và lưu trữ CO₂ trực tiếp từ khí quyển.¹⁰

4 Gregor Spilker and Nick Nugent, “Voluntary carbon market derivatives: growth, innovation & usage”, *Borsa Istanbul Review*, Vol. 22 (Supplement 2), 2022, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.bir.2022.11.008>

5 Thu Cúc, “Việt Nam tích cực, chủ động triển khai bài bản các cam kết tại COP26”, *Báo điện tử Chính phủ*, 2023, <https://baohinhphu.vn/viet-nam-tich-cuc-chu-dong-trien-khai-bai-ban-cac-cam-ket-tai-cop26-102231124211547625.htm>, truy cập ngày 02/4/2025.

6 Tim Archer, “Understanding the compliance and voluntary carbon trading markets”, *Deloitte*, 2023, <https://www.deloitte.com/uk/en/services/consulting-risk/blogs/2023/understanding-the-compliance-and-voluntary-carbon-trading-markets.html>, truy cập ngày 02/4/2024.

7 Tim Archer, *tldd*

8 Ruiting Wu Ruiting and others, *A comprehensive bibliometric review of voluntary carbon markets: Trends and future directions*, IOP Publishing Ltd, 2025.

9 Raúl C. Rosales and others, “Voluntary carbon markets in ASEAN: Challenges and opportunities for scaling up”, *Imperial College Business School - Imperial College London Consultants*, 2021, https://assets.publishing.service.gov.uk/media/616f93b3e90e071976488f98/Green_Finance_COP26_Universities_Network_Policy_Report.pdf, truy cập ngày 17/3/2025.

10 Richard Norman, “Taxing emissions: VAT and voluntary carbon credits”, *Chartered Institute of Taxation (CIOT) and ATT*, 2024, <https://www.taxadvisermagazine.com/article/taxing-emissions-vat-and-voluntary-carbon-credits>, truy cập ngày 02/4/2025.

Trong bối cảnh VCM ngày càng phát triển, việc đảm bảo tính minh bạch, độ tin cậy và giá trị thực chất của các tín chỉ carbon trở nên thiết yếu. Để làm được điều đó, nhiều tổ chức quốc tế đã thiết lập các bộ tiêu chuẩn kỹ thuật và quy trình kiểm chứng độc lập, nhằm đánh giá hiệu quả giảm phát thải cũng như các tác động tích cực đến môi trường và xã hội của từng dự án.¹¹ Những tiêu chuẩn này không chỉ bảo vệ tính toàn vẹn môi trường (*environmental integrity*), mà còn thúc đẩy các lợi ích về phát triển bền vững (*sustainable development co-benefits*), phù hợp với các mục tiêu phát triển bền vững (*sustainable development goals, SDGs*) trong chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc.¹² Hai tiêu chuẩn nổi bật trong hệ sinh thái VCM hiện nay là *Gold standard* (GS) và *Verified carbon standard* (VCS). GS được thành lập vào năm 2003 bởi Tổ chức Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên (*World Wildlife Fund For Nature, WWF*) cùng nhiều tổ chức phi chính phủ quốc tế, tập trung vào các dự án giảm phát thải có đồng thời lợi ích môi trường và xã hội.¹³ Đây là một trong số ít các tiêu chuẩn cho phép sử dụng như một nhân chất lượng bổ sung cho các dự án thuộc Cơ chế phát triển sạch (*Clean development mechanism, CDM*). Năm 2017, GS đã ra mắt thế hệ tiêu chuẩn mới mang tên Chứng chỉ giảm phát thải Gold Standard (*Gold standard for the global goals, GS4GG*) với mục tiêu kép: giảm phát thải khí nhà kính và đóng góp cho việc thực hiện các SDGs.¹⁴ Trong khi đó, VCS, hiện do tổ chức phi lợi nhuận Verra quản lý,¹⁵ được coi là tiêu chuẩn có quy mô lớn nhất trong thị trường carbon tự nguyện toàn cầu.¹⁶ VCS thiết lập quy trình đo lường, báo cáo và thẩm tra (*Measurement, Reporting and Verification, MRV*) tương tự như cơ chế CDM, và phát hành đơn vị tín chỉ có tên gọi là Đơn vị xác nhận carbon (*Verified Carbon Units, VCU*s). Đến nay, VCS đã chứng nhận lượng phát thải giảm hơn 200 triệu tCO₂eq từ hơn 1.300 dự án thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau.¹⁷

Bản thân sự hình thành và phát triển của các tiêu chuẩn tự nguyện cũng không thể tách rời khỏi bối cảnh pháp lý quốc tế rộng lớn hơn, vốn được đặt nền móng từ các nỗ lực toàn cầu ứng phó với biến đổi khí hậu. Cụ thể, Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (*United Nations Framework Convention on Climate Change, UNFCCC*),¹⁸ Nghị định thư Kyoto và Thỏa thuận Paris đã thiết lập những nguyên tắc và cơ chế pháp lý cốt lõi để điều phối hành động giảm phát thải trên quy mô toàn cầu.¹⁹ Những khung khổ pháp lý này không chỉ định hướng cho thị trường carbon tuân thủ, mà còn tạo ra môi trường thuận lợi để thị trường carbon tự nguyện vận hành một cách minh bạch, hiệu quả và có sự kết nối với mục tiêu khí hậu toàn cầu.

Có thể thấy VCM đang từng bước khẳng định vai trò là một công cụ hỗ trợ quan trọng trong quá trình chuyển dịch sang nền kinh tế carbon thấp. Sự gia tăng mạnh mẽ

11 Gregor Spilker and Nick Nugent, *tlđđ*.

12 Axel Michaelowa, Igor Shishlov, Stephan Hoch, Patricio Bofill, Aglaja Espelage, "Overview and comparison of existing carbon crediting schemes", *Nordic Environment Finance Corporation (NEFCO)*, 2019, DOI: <https://doi.org/10.5167/uzh-175378>

13 GS, "What is a carbon credit worth?", *Gold Standard*, 2024, <https://www.goldstandard.org/news/what-is-a-carbon-credit-worth>, truy cập ngày 02/4/2025.

14 Axel Michaelowa, Igor Shishlov, Stephan Hoch, Patricio Bofill, Aglaja Espelage, *tlđđ*.

15 VCS, "The Verified Carbon Standard (VCS) program is the world's most widely used greenhouse gas (GHG) crediting program", *Verified Carbon Standard*, <https://verra.org/programs/verified-carbon-standard/>, truy cập ngày 07/4/2025.

16 Gregor Spilker and Nick Nugent, *tlđđ*.

17 Axel Michaelowa, Igor Shishlov, Stephan Hoch, Patricio Bofill, Aglaja Espelage, *tlđđ*.

18 Raúl C. Rosales and others, *tlđđ*.

19 Gregor Spilker and Nick Nugent, *tlđđ*.

các cam kết phát thải ròng bằng 0 từ khu vực tư nhân, đặc biệt kể từ sau COP26, đã tạo ra nhu cầu lớn đối với các cơ chế bù đắp đáng tin cậy – điều mà một VCM minh bạch, hiệu quả và có khung pháp lý hoàn chỉnh có thể đáp ứng.²⁰ Như vậy, việc hoàn thiện khung pháp lý cho VCM không chỉ là nhu cầu cấp thiết về chính sách mà còn là đòn bẩy để hiện thực hóa các cam kết quốc tế.²¹

1.2. Cơ chế tài chính và tác động đến thị trường tín chỉ carbon

Tính khả thi và bền vững của các dự án carbon phụ thuộc đáng kể vào khả năng huy động vốn, sự hấp dẫn của cơ chế định giá tín chỉ, cũng như các công cụ tài chính hỗ trợ DN tham gia thị trường.²² Vì vậy, việc nhận diện rõ các mô hình tài chính xanh hiện hành, đánh giá tác động của chính sách thuế – tài chính đến thị trường tín chỉ, cũng như vai trò của các quỹ đầu tư và nguồn lực hỗ trợ là điều kiện cần thiết để phát triển một hệ sinh thái VCM hiệu quả.

1.2.1. Các mô hình tài chính xanh

Nhằm nâng cao uy tín xanh và tăng tính cạnh tranh, ngày càng nhiều DN đầu tư vào năng lượng tái tạo và các công nghệ thân thiện với môi trường, nhờ vào sự hỗ trợ từ thị trường tài chính xanh. Sự mở rộng của lĩnh vực này đã kéo theo sự gia tăng của các quy định và hướng dẫn liên quan, với sự tham gia tích cực của chính phủ, tổ chức tài chính và khu vực tư nhân.²³ Những năm gần đây, nhiều quốc gia đã thiết lập hoặc khuyến khích sử dụng các công cụ như trái phiếu xanh (*green bonds*), quỹ tín dụng xanh, hay các quỹ đầu tư mạo hiểm xanh nhằm huy động nguồn lực cho các dự án carbon.²⁴ Những sáng kiến tài chính này không chỉ đơn thuần là công cụ huy động vốn, mà còn phản ánh sự chuyển dịch của hệ thống tài chính toàn cầu theo hướng tích hợp SDGs và BVMT.²⁵ Như vậy, các mô hình tài chính xanh – với phạm vi bao gồm không chỉ các sản phẩm và thị trường tài chính mà còn cả chính sách và thể chế tài chính – đang từng bước hình thành nền tảng tài chính vững chắc để hỗ trợ sự phát triển bền vững của VCM.²⁶ Chúng giúp giảm rào cản đầu tư, tăng khả năng tiếp cận vốn cho các dự án carbon, qua đó thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của VCM trong quá trình chuyển đổi xanh toàn cầu.

1.2.2. Cơ chế định giá tín chỉ carbon

Đây là công cụ trung tâm trong việc nội hóa chi phí phát thải khí nhà kính, đóng vai trò điều hướng hành vi của DN và các chủ thể kinh tế thông qua tín hiệu giá cả.²⁷ Theo Ngân hàng Thế giới (*World Bank*, WB), hai cơ chế định giá carbon phổ biến được áp dụng rộng rãi tại nhiều quốc gia là Hệ thống Giao dịch khí thải (*Emissions*

20 Wu Ruiting and others, *tlđđ*.

21 Gregor Spilker and Nick Nugent, *tlđđ*.

22 Raúl C. Rosales and others, *tlđđ*.

23 Gongliang Wu, Xu Liu and Yueling Cai, “The impact of green finance on carbon emission efficiency”, *Heliyon*, Vol. 10(1), 2024, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e23803>

24 Jeffrey D. Sachs, Wing Thye Woo, Naoyuki Yoshino, Farhad Taghizadeh-Hesary, “Why is green finance important?”, *ADB Working Paper - Tokyo: Asian Development Bank Institute*, số 917, 2019, <https://www.adb.org/sites/default/files/publication/481936/adb-wp917.pdf>, truy cập ngày 30/3/2025.

25 Gongliang Wu, Xu Liu and Yueling Cai, *tlđđ*.

26 Yanli Wang, Na Zhao, Xiaodong Lei and Ruyin Long, “Green finance innovation and regional green development”, *Sustainability*, Vol. 13(15), 2021, DOI: <https://doi.org/10.3390/su13158230>

27 Phạm Thu Thủy, Hoàng Tuấn Long, Đào Thị Linh Chi, Trần Ngọc Mỹ Hoa, Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Thủy Anh, *Kinh nghiệm của 87 quốc gia trong việc xác định và chuyển nhượng quyền các-bon*, Báo cáo chuyên đề 218, Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR), 2021, DOI: <https://doi.org/10.17528/cifor/007992>

trading System, ETS) và thuế carbon (*carbon tax*). Trong khi ETS, còn gọi là mô hình “giới hạn và thương mại” (“*cap and trade*”), đặt ra mức phát thải tối đa và cho phép DN mua bán hạn ngạch phát thải, từ đó hình thành giá thị trường cho carbon và phân bổ chi phí giảm phát thải một cách hiệu quả;²⁸ thì thuế carbon định giá trực tiếp bằng cách áp thuế trên mỗi tấn CO₂ phát thải hoặc hàm lượng carbon trong nhiên liệu, mang lại sự ổn định chi phí và khuyến khích DN chủ động cắt giảm phát thải để giảm nghĩa vụ tài chính.²⁹

Trong bối cảnh chưa có ETS chính thức ở nhiều quốc gia đang phát triển, giá tín chỉ trên VCM chủ yếu hình thành thông qua thương lượng giữa các bên tham gia, chịu ảnh hưởng mạnh từ các yếu tố như loại dự án, chất lượng tín chỉ, tiêu chuẩn chứng nhận, vị trí địa lý và mức độ tín nhiệm của bên phát hành.³⁰ Theo nghiên cứu của Chan và cộng sự (2023), mối liên hệ giữa định giá carbon và phân loại tài chính khí hậu có ý nghĩa quan trọng trong việc dẫn dắt dòng vốn về phía các mô hình phát triển phát thải thấp, đặc biệt là trong lĩnh vực năng lượng.³¹ Như vậy, tác động của cơ chế định giá đến VCM không chỉ dừng ở khía cạnh kinh tế. Việc thiết lập và duy trì một cơ chế định giá minh bạch, có khả năng dự báo và phản ánh đúng giá trị thực của giảm phát thải sẽ góp phần nâng cao tính tin cậy của thị trường, khuyến khích nhiều DN, đặc biệt ở khu vực tư nhân, tham gia đầu tư vào các dự án carbon chất lượng cao.³²

1.2.3. Các quỹ đầu tư và hỗ trợ tài chính dành cho doanh nghiệp tham gia thị trường carbon tự nguyện

Việc tham gia VCM đòi hỏi DN phải đầu tư đáng kể vào các công nghệ giảm phát thải, hệ thống MRV, cũng như chi phí giao dịch tín chỉ.³³ Nhằm giảm bớt các rào cản tài chính ban đầu, nhiều quỹ đầu tư công và tư đã được thiết lập để hỗ trợ DN trong việc xanh hóa chuỗi giá trị và tham gia thị trường tín chỉ carbon. Các tổ chức như WB³⁴ và Ngân hàng Phát triển châu Á³⁵ đã triển khai nhiều sáng kiến nhằm cung cấp hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho DN tham gia vào VCM. Thông qua các khoản tài trợ, cho vay ưu đãi và chương trình nâng cao năng lực, các tổ chức này giúp DN tiếp cận dễ dàng hơn với nguồn vốn cho các dự án giảm phát thải. Khu vực tư nhân cũng đang tích cực tham gia vào VCM thông qua việc thành lập các quỹ đầu tư chuyên biệt. Ví dụ, Carbon Growth Partners đầu tư vào các tín chỉ carbon chất lượng cao, có tác động rõ rệt đến môi trường. Ngoài ra, các quỹ đầu tư mạo hiểm như Prelude Ventures, Lowercarbon Capital và Earthshot Ventures đã huy động hơn 1,3 tỷ USD trong năm 2024 để đầu tư vào các công ty chuyên về công nghệ loại bỏ

28 Nguyễn Hoàng Nam, “Mô hình định giá các-bon trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Môi trường*, số 7, 2023, tr. 49.

29 Phạm Thu Thủy, Hoàng Tuấn Long, Đào Thị Linh Chi, Trần Ngọc Mỹ Hoa, Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Thủy Anh, *tlđđ*.

30 Raúl C. Rosales and others, *tlđđ*.

31 Daron Acemoglu, Philippe Aghion, Leonardo Bursztyn, David Hemous, “The environment and directed technical change”, *American Economic Review*, Vol. 102(1), 2012, tr. 66, DOI: <https://doi.org/10.1257/aer.102.1.131>

32 Nguyễn Hoàng Nam, *tlđđ*.

33 Gregor Spilker and Nick Nugent, *tlđđ*.

34 World Bank Group, “Testing resilience”, *Western Balkans Regular Economic Report*, No. 23, 2023, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099042023104012719/pdf/P179478085f70601a0aac3035c4560691ca.pdf>, truy cập ngày 30/3/2025.

35 ADB, “Supporting low carbon development in Asia and the Pacific through carbon markets”, *Asian Development Bank*, 2019, <https://www.adb.org/sites/default/files/project-documents/49270/49270-001-tcr-en.pdf>, truy cập ngày 04/4/2025.

CO₂ và các giải pháp khí hậu đổi mới khác.³⁶ Để hỗ trợ việc mở rộng VCM, các tổ chức như Hội đồng Liêm chính thị trường carbon tự nguyện (*Integrity Council for the Voluntary carbon market*, ICVCM) đã phát triển Bộ nguyên tắc cốt lõi về tín chỉ carbon (*Core Carbon principles*, CCPs) nhằm đảm bảo chất lượng và tính minh bạch của tín chỉ. Đồng thời, Sáng kiến Bảo đảm Tính toàn vẹn Thị trường Carbon Tự nguyện (*The Voluntary Carbon Markets Integrity Initiative*, VCMI) cũng đã xây dựng bộ quy tắc ứng xử cho DN sử dụng tín chỉ carbon, qua đó tăng cường niềm tin và thúc đẩy đầu tư vào thị trường này.³⁷

1.3. Chính sách thuế và tác động đến thị trường tín chỉ carbon

Chính sách thuế có vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh chi phí cận biên của phát thải carbon, qua đó tác động lâu dài đến hành vi môi trường của DN. Trong bối cảnh nhiều quốc gia đang xây dựng hoặc mở rộng thị trường carbon, việc tích hợp chính sách thuế vào hệ thống tín chỉ carbon không chỉ giúp phản ánh giá trị carbon trong nội luật, mà còn tạo động lực tài chính để khuyến khích DN tham gia giao dịch tín chỉ carbon.

Tại Hoa Kỳ, dù không có một hệ thống thuế carbon cấp liên bang, nhưng các bang như California và các tiểu bang Đông Bắc đã vận hành các hệ thống giao dịch tín chỉ carbon khu vực.³⁸ Chính phủ cũng sử dụng rộng rãi các hình thức tín dụng thuế sản xuất (*production tax credit*, PTC) để khuyến khích phát triển năng lượng gió và tín dụng thuế đầu tư (*investment tax credit*, ITC) để thúc đẩy năng lượng mặt trời. Các DN có thể sử dụng các tín dụng này để giảm nghĩa vụ thuế thu nhập DN khi đầu tư vào năng lượng tái tạo. Các chương trình ưu đãi thuế này là đòn bẩy mạnh mẽ thúc đẩy chuyển dịch sang nền kinh tế ít carbon. Chính phủ Mỹ đã gia hạn các chính sách này đến năm 2020 và sau đó tiếp tục mở rộng dưới Đạo luật Giảm lạm phát (*Inflation Reduction Act*) năm 2022 nhằm hỗ trợ các mục tiêu khí hậu dài hạn.³⁹ Đạo luật này là một bước ngoặt, tăng mạnh các khoản ưu đãi thuế cho năng lượng sạch, đồng thời hỗ trợ tài chính cho các công nghệ thu giữ và lưu trữ carbon (*carbon capture and storage*, CCS), qua đó gián tiếp thúc đẩy nguồn cung tín chỉ carbon chất lượng cao.⁴⁰

EU đã thiết lập ETS - một cơ chế định giá carbon hoạt động theo nguyên tắc giới hạn và thương mại (*cap and trade principle*)⁴¹ buộc các DN mua tín chỉ phát thải nếu vượt quá hạn mức cho phép. Mức giá tín chỉ được xác lập dựa trên cung - cầu thị trường, qua đó tạo ra động lực kinh tế rõ rệt để DN cắt giảm phát thải.⁴² Bên cạnh đó, EU còn triển khai Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (*Carbon border adjustment mechanism*, CBAM) - một hình thức đánh thuế phát thải đối với hàng hóa nhập khẩu

36 VCM, "Voluntary Carbon Market Firms Raise More than \$1.3 Billion in 2024", *Quantum Commodity Intelligence*, 2025, <https://www.qcintel.com/carbon/article/analysis-voluntary-carbon-market-firms-raise-more-than-1-3-billion-in-2024-34649.html>, truy cập ngày 10/4/2025.

37 Amy Merrill, Mark Kenber and Chris Canavan, "It's time to scale a credible, high-impact voluntary carbon market", *TIME*, 2024, <https://time.com/7022709/time-to-scale-credible-high-impact-voluntary-carbon-market/>, truy cập ngày 10/4/2025.

38 Alvin Hollyman and Kimberly Collins, "California's cap-and-trade program: is it effective in advancing social, economic, and environmental equity?", *Public Administration and Policy*, Vol. 26(2), 2023, tr. 128, DOI: <https://doi.org/10.1108/PAP-06-2022-0069>

39 Jeffrey D. Sachs, Wing Thye Woo, Naoyuki Yoshino, Farhad Taghizadeh-Hesary, *tlld*.

40 Inflation Reduction Act of 2022.

41 European Commission, "About the EU ETS", *Directorate-General for Climate Action, Europa Search*, https://climate.ec.europa.eu/eu-action/carbon-markets/about-eu-ets_en, truy cập ngày 27/3/2025.

42 Gregor Spilker and Nick Nugent, *tlld*.

có cường độ carbon cao, nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước nguy cơ “rò rỉ carbon” và thúc đẩy tiêu chuẩn môi trường toàn cầu.⁴³

Singapore, quốc gia tiên phong trong ASEAN, đã triển khai thuế carbon vào năm 2019 ở mức 5 SGD/tấn CO₂. Đây là một phần trong chiến lược toàn diện để giảm phát thải tuyệt đối và khuyến khích phát triển năng lượng tái tạo. Chính phủ cam kết tăng thuế lên 10-15 SGD/tấn vào năm 2030. Song song đó, Singapore cho phép DN dùng tín chỉ carbon chất lượng cao từ VCM để bù trừ tối đa 5% nghĩa vụ thuế carbon. Điều này tạo ra cầu thị trường rõ ràng cho tín chỉ carbon, đồng thời khuyến khích phát triển các dự án offset đạt tiêu chuẩn quốc tế.⁴⁴

Canada đã áp dụng thuế carbon toàn quốc thông qua Đạo luật Định giá ô nhiễm khí nhà kính (*Greenhouse Gas pollution pricing Act*) từ năm 2019 với mức khởi điểm 20 CAD/tấn CO₂, dự kiến tăng lên 50 CAD vào năm 2022 và 170 CAD vào năm 2030. Các tỉnh và vùng lãnh thổ có thể tự thiết kế hệ thống định giá carbon phù hợp với bối cảnh địa phương, miễn là tuân thủ các tiêu chuẩn quốc gia. Chính sách này không chỉ tạo ra tín hiệu giá rõ ràng cho phát thải carbon mà còn thúc đẩy sự tham gia của khu vực tư nhân vào thị trường tín chỉ carbon và các sáng kiến giảm phát thải hiệu quả hơn.⁴⁵

Thuế carbon là công cụ định giá khí thải trực tiếp, góp phần điều chỉnh hành vi phát thải và định hướng đầu tư của DN.⁴⁶ Tuy nhiên, hiệu quả của công cụ này phụ thuộc vào mức thuế đủ cao và khả năng tích hợp với các cơ chế linh hoạt như sử dụng tín chỉ carbon để bù trừ nghĩa vụ thuế. Vì vậy, sự kết hợp giữa một mức giá carbon hiệu quả với các cơ chế miễn, giảm thuế thông minh và minh bạch là chìa khóa để mở rộng quy mô thị trường tín chỉ carbon và huy động sự tham gia tích cực của khu vực tư nhân.

2. Thực trạng khung pháp lý về thị trường tín chỉ carbon tự nguyện tại Việt Nam

2.1. Các quy định hiện hành liên quan đến tín chỉ carbon

Theo WB, VN hiện xếp thứ 21 toàn cầu về lượng phát thải CO₂, chiếm khoảng 0,8% tổng lượng phát thải toàn cầu.⁴⁷ Dữ liệu từ Trung tâm Nghiên cứu chung của Ủy ban châu Âu cho thấy lượng phát thải CO₂ bình quân đầu người tại VN trong năm 2023 đạt 3,689 tấn, tăng so với mức 3,243 tấn của năm 2022,⁴⁸ trong đó ngành năng lượng chiếm tới 63,3%. Trước thực trạng này, VN đã quan tâm và từng bước hoàn thiện khung pháp lý về BVMT.

43 Việt Hằng, “Cơ chế CBAM của EU và khuyến nghị giải pháp cho Việt Nam”, *Tạp chí Công Thương điện tử*, <https://tapchicongthuong.vn/magazine/co-che-cbam-cua-eu-va-khuyen-nghi-giai-phap-cho-viet-nam-107633.htm>, truy cập ngày 27/3/2025.

44 Raúl C. Rosales and others, *tlđđ*.

45 Government of Canada, “How carbon pricing works”, *Canada.ca*, <https://ircc-gc.com/expressentry.ca/en/environment-climate-change/services/climate-change/pricing-pollution-how-it-will-work/putting-price-on-carbon-pollution>, truy cập ngày 04/4/2025.

46 Carbon Pricing Leadership Coalition, “Report of the high-level commission on carbon pricing and competitiveness”, *International Bank for Reconstruction and Development - the World Bank*, 2019, <https://documents1.worldbank.org/curated/en/486921568877882882/pdf/Report-of-the-High-Level-Commission-on-Carbon-Pricing-and-Competitiveness.pdf>, truy cập ngày 07/4/2025.

47 Nguyễn Hoàng Nam, *tlđđ*, tr. 52.

48 European Commission’s Directorate-General for Joint Research Centre, “Vietnam CO2 Emissions: Tonnes of CO2 equivalent per capita per year”, *CEIC*, 2023, <https://www.ceicdata.com/en/vietnam/environmental-greenhouse-gas-emissions-co2-emissions-annual/co2-emissions-tonnes-of-co2-equivalent-per-capita-per-year>, truy cập ngày 04/4/2025.

Thứ nhất, Luật BVMT năm 2020, theo khoản 35 Điều 3 có quy định về thuật ngữ “tín chỉ carbon”, cụ thể: “Tín chỉ carbon là chứng nhận có thể giao dịch thương mại và thể hiện quyền phát thải một tấn khí carbon dioxide (CO_2) hoặc một tấn khí carbon dioxide (CO_2) tương đương”. Đây là bước tiến quan trọng trong quá trình lập pháp của VN, thể hiện sự tiếp cận ban đầu với các vấn đề môi trường mang tính toàn cầu. Điều 139 của Luật đã đặt nền móng pháp lý cho việc “Tổ chức và phát triển thị trường carbon”, kế thừa và mở rộng các quy định từ Luật BVMT năm 2014: “Thị trường carbon trong nước gồm các hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ carbon thu được từ cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa VN là thành viên”. Nhà nước đã đi sâu hơn vào việc tổ chức và phát triển thị trường carbon cũng như nhìn thấy được tầm quan trọng để xây dựng hiệu quả tại VN. Luật này cũng đã phân công cụ thể trách nhiệm, nhiệm vụ của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thủ tướng Chính phủ và Chính phủ trong việc tổ chức và phát triển thị trường carbon. Đây không chỉ là bước cụ thể hóa chính sách của Đảng và Nhà nước về BVMT, mà còn thể hiện vai trò của thị trường carbon như một công cụ kinh tế quan trọng, góp phần huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho SDGs.

Thứ hai, Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn là một văn bản pháp lý quan trọng, đánh dấu bước tiến lớn của VN trong nỗ lực giảm phát thải khí nhà kính và phát triển thị trường carbon. Nghị định này đã quy định chi tiết về đối tượng, mục tiêu, thẩm quyền, kế hoạch tổ chức và phát triển thị trường carbon trong nước (tại Mục 2 Chương II), tạo nền tảng pháp lý cho việc triển khai các hoạt động liên quan đến tín chỉ carbon và thị trường carbon tại VN. Đặc biệt, Nghị định đã làm rõ một số nội dung cơ bản tại Điều 3(12) quy định về “Sàn giao dịch tín chỉ carbon”; Điều 4 xác định nguyên tắc giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn, trong đó đề cập đến vai trò của tín chỉ carbon. Đây được xem là bước tiến cụ thể hơn so với Luật BVMT năm 2020, nhằm từng bước xây dựng hành lang pháp lý hỗ trợ phát triển thị trường carbon và phòng ngừa biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, nhìn chung hệ thống pháp luật về BVMT tại VN vẫn phát triển chậm so với tốc độ phát triển xã hội và nhu cầu điều chỉnh các quan hệ trong lĩnh vực này.

2.2. Một số rào cản pháp lý và thực tiễn trong giao dịch tín chỉ carbon

Trước hết, *khung pháp lý liên quan đến tín chỉ carbon và hạn ngạch phát thải tại VN còn nhiều bất cập và chưa được hoàn thiện đồng bộ*. Mặc dù Luật BVMT năm 2020 và Nghị định 06/2022/NĐ-CP đã bước đầu đề cập tín chỉ carbon và thị trường carbon, nhưng chưa có quy định cụ thể về bản chất pháp lý của tín chỉ carbon, quyền sở hữu và chuyển nhượng, quy trình giao dịch cũng như cơ chế xác nhận giá trị tín chỉ. Điều này khiến tín chỉ carbon chưa thực sự được coi là tài sản trong các giao dịch dân sự – thương mại, dẫn đến khó khăn trong xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền lợi của các chủ thể tham gia.⁴⁹ Tương tự, bản chất pháp lý của hạn ngạch phát thải trong ETS cũng chưa rõ ràng. Trong khi điều kiện cần để hình thành thị trường mua bán tín chỉ là xác lập đầy đủ quyền sở hữu đối với tín chỉ hoặc hạn ngạch, thì pháp luật VN chưa quy định rõ hạn ngạch phát thải có phải là một loại tài sản hay không?

Tiếp theo, *quy hoạch và kế hoạch giảm phát thải cấp quốc gia chưa hoàn thiện*. VN chưa công bố cụ thể diện tích rừng nào thuộc quy hoạch thực hiện Đóng góp do quốc gia

49 Điều 105 Bộ luật Dân sự năm 2015: “Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản”.

tự quyết định (*Nationally Determined Contributions*, NDCs), cũng như chưa rõ cơ chế phân bổ hạn ngạch và xác nhận tín chỉ cho từng dự án. Điều này gây khó khăn cho các địa phương, DN trong việc triển khai dự án và thu hút nhà đầu tư. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng giao dịch và giám sát thị trường chưa được thiết lập. Hiện chưa có sàn giao dịch tín chỉ carbon vận hành chính thức, chưa có hệ thống MRV đồng bộ và cơ quan giám sát đủ thẩm quyền để đảm bảo tính minh bạch, tránh gian lận, mặc dù Nghị định 06/2022/NĐ-CP đã quy định cụ thể tại điều 9, 10 về Hệ thống quốc gia và nội dung hoạt động của MRV. Do đó, cần tiếp tục cụ thể hóa và ràng buộc rõ trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện MRV đối với các chủ thể liên quan, qua đó thiết lập cơ sở pháp lý cần thiết cho việc triển khai ETS và bảo đảm việc thực hiện các cam kết, nghĩa vụ quốc tế mà Việt Nam đã tham gia. Đồng thời, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư 17/2022/TT-BTNMT ngày 15/11/2022 quy định kỹ thuật MRV giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực quản lý chất thải trên cơ sở tiêu chuẩn của Ủy ban Liên chính phủ về biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, các bộ quản lý ngành liên quan khác⁵⁰ chưa xây dựng và ban hành quy trình, quy định kỹ thuật về MRV giảm nhẹ phát thải khí nhà kính trong phạm vi lĩnh vực phụ trách.

Ngoài ra, các quy định để vận hành sàn giao dịch tín chỉ carbon chưa rõ ràng. Các quy định về giao dịch như phương thức giao dịch, chuyển tiền, mở tài khoản và cách thức chuyển giao hạn ngạch phát thải trên sàn giao dịch... vẫn chưa được công bố. Các quy định về thuế giao dịch tín chỉ carbon và hạn ngạch phát thải, thời điểm khai và nộp thuế, mức thuế giao dịch trên ETS cũng chưa ra đời. Ngoài ra, sàn giao dịch cần một hệ thống đăng ký thông tin tập trung để đảm bảo minh bạch, công khai về thông tin thị trường, kiểm soát việc giao dịch hạn ngạch phát thải. Tuy nhiên, các hệ thống này chưa được đầu tư và đến nay vẫn chưa công bố lộ trình xây dựng và vận hành. Vì thế, VN cần sớm thiết lập một cơ quan đăng ký tài khoản tập trung để đảm bảo việc vận hành và kiểm soát hạn ngạch phân bổ trên tài khoản của mỗi cơ sở phát thải.

Thực tế, dù một số địa phương như Quảng Nam đã thí điểm triển khai kinh doanh tín chỉ carbon rừng với tiềm năng thu về hàng trăm tỷ mỗi năm,⁵¹ nhưng việc triển khai vẫn còn lúng túng. Các câu hỏi như nguồn thu từ tín chỉ carbon sẽ được sử dụng như thế nào, có cần đưa vào ngân sách hay được phép dùng trực tiếp cho hoạt động bảo vệ, trồng rừng... vẫn chưa có câu trả lời rõ ràng từ phía cơ quan quản lý.

Như vậy, các quy định pháp luật hiện hành chưa cụ thể về cơ chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ carbon, giá trị tín chỉ carbon, trách nhiệm cụ thể của từng chủ thể thực hiện dự án, cũng như các biện pháp khắc phục và xử phạt hành chính đối với hành vi vi phạm. Hoạt động tuyên truyền, phổ biến pháp luật còn hạn chế, dẫn đến việc người dân và DN chưa thực sự hiểu rõ về thị trường này. So với các quốc gia phát triển – nơi thị trường carbon đã hình thành và vận hành từ lâu – VN cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, đặc biệt là các quy định chi tiết và chế tài cụ thể, nhằm từng bước nâng cao năng lực vận hành thị trường carbon trong nước và khẳng định vị thế trên thị trường tín chỉ carbon toàn cầu.

50 Kết luận 121-KL/TW năm 2025 về tổng kết Nghị quyết 18-NQ/TW đã hợp nhất: Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông vận tải thành Bộ Xây dựng; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường thành Bộ Nông nghiệp và Môi trường từ ngày 01/3/2025.

51 Lê Minh Vũ, “Nghiên cứu sớm xây dựng khung pháp lý cho thị trường mua bán tín chỉ carbon tại Việt Nam”, *Tạp chí điện tử pháp lý*, 2024, <https://phaply.net.vn/nguyen-cuu-som-xay-dung-khung-phap-ly-cho-thi-truong-mua-ban-tin-chi-carbon-tai-viet-nam-a257996.html>, truy cập ngày 02/4/2025.

3. Một số đề xuất chính sách cho thị trường tín chỉ carbon tự nguyện tại Việt Nam

3.1. Hoàn thiện khung pháp lý về thị trường tín chỉ carbon tự nguyện

Thứ nhất, cần xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cụ thể quy định rõ về quy trình, điều kiện và phương thức giao dịch tín chỉ carbon tự nguyện. Dù VN đã bước đầu xây dựng nền tảng pháp lý, nhưng hệ thống quy định về giao dịch tín chỉ trong VCM còn thiếu chi tiết, trong khi nhiều quốc gia phát triển đã ban hành quy định chi tiết về cách thức giao dịch trong thị trường này. Ví dụ, Ủy ban Chứng khoán và Hối đoái Hoa Kỳ (*Securities and Exchange Commission, SEC*) đang đề xuất cơ chế minh bạch về giao dịch carbon trong báo cáo tài chính DN.⁵² Do đó, VN cần sớm bổ sung các quy định như: chủ thể tham gia giao dịch; điều kiện của tín chỉ carbon được phép giao dịch; phương thức thanh toán, xác lập giao dịch và chuyển nhượng; đăng ký, công bố thông tin và lưu trữ giao dịch,... nhằm điều tiết thị trường tín chỉ carbon và khuyến khích DN tham gia, tạo sự minh bạch và ổn định cho thị trường tín chỉ carbon tại VN.

Thứ hai, cần thiết lập cơ chế giám sát, xác minh tín chỉ carbon và đảm bảo tính minh bạch. Việc xây dựng hệ thống MRV và cơ sở dữ liệu quốc gia về tín chỉ carbon là cơ sở để thực hiện tốt sự giám sát việc thực hiện các dự án tạo tín chỉ; đảm bảo tín chỉ phát sinh thực sự từ giảm phát thải có thật, đo lường được và có thể kiểm chứng; cũng như công khai thông tin và ngăn chặn gian lận tín chỉ. Dù đã xây dựng hệ thống đăng ký và báo cáo trong thị trường carbon bắt buộc, nhưng VN còn thiếu hạ tầng cho VCM, như chưa có danh sách tổ chức được công nhận làm đơn vị xác minh độc lập, thiếu hệ thống dữ liệu công khai để DN truy cập và kiểm tra tín chỉ, chưa có hướng dẫn cụ thể về quy trình kiểm toán carbon cho thị trường tự nguyện. Vậy nên việc thiết lập cơ chế MRV không chỉ là yếu tố cốt lõi đảm bảo tín chỉ có giá trị pháp lý và tài chính, mà còn là điều kiện tiên quyết để VN hội nhập thị trường carbon toàn cầu. Do đó, nên thành lập Cơ quan thẩm định và xác minh tín chỉ độc lập, dưới sự quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đồng thời, áp dụng công nghệ số, blockchain, big data trong việc lưu trữ, truy xuất và xác thực tín chỉ carbon.

Thứ ba, cần đưa ra định nghĩa về quyền sở hữu và chuyển nhượng tín chỉ carbon. Ở Liên minh châu Âu, tín chỉ carbon đã được công nhận là tài sản tài chính và được giao dịch như hàng hóa hoặc chứng khoán. Một số quốc gia còn cho phép thế chấp tín chỉ carbon để huy động vốn ngân hàng. Việt Nam cần ban hành và đặt để địa vị pháp lý xác định tín chỉ carbon – xem đây là tài sản có thể định giá, chuyển nhượng, thế chấp hoặc sử dụng trong thanh toán. Đồng thời, có thể quy định về cơ chế đăng ký và chứng thực quyền sở hữu tương tự như đăng ký quyền sở hữu trí tuệ. Bởi lẽ, một định nghĩa rõ quyền sở hữu tín chỉ carbon là nền tảng pháp lý cốt lõi để tín chỉ có thể trở thành hàng hóa thực sự, đồng thời là cơ sở để xây dựng nền móng pháp lý vững chắc cho cơ chế thuế liên quan.

3.2. Cải thiện chính sách tài chính hỗ trợ thị trường

Một là, cần thành lập quỹ tài chính xanh hỗ trợ các dự án giảm phát thải. Vừa qua, Bộ Công Thương đã đề xuất thành lập Quỹ Tài chính quốc gia nhằm hỗ trợ DN đổi mới

52 US Securities and Exchange Commission, “SEC proposes rules to enhance and standardize climate-related disclosures for investors”, *US Securities and Exchange Commission*, 2022, <https://www.sec.gov/newsroom/press-releases/2022-46>, truy cập ngày 30/3/2025.

công nghệ, hướng tới đáp ứng các tiêu chuẩn xanh và phát triển bền vững,⁵³ thông qua việc xây dựng Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. Việc thành lập một quỹ tài chính xanh quốc gia góp phần hỗ trợ tài chính cho các dự án giảm phát thải sẽ cung cấp vốn ưu đãi cho các DN và tổ chức thực hiện các dự án xanh, như năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng và công nghệ sạch. Mặt khác, cần tăng cường khả năng tiếp cận nguồn vốn cho các dự án xanh, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn và vùng sâu, vùng xa.

Ngoài ra, VN đã nhận được cam kết tài chính từ các tổ chức quốc tế, như thỏa thuận Đối tác chuyển dịch năng lượng công bằng (*Just energy transition partnership*, JETP) với nhóm nhóm đối tác quốc tế (*International Partners Group*, IPG), cung cấp 15,5 tỷ USD để hỗ trợ chuyển đổi nền kinh tế xanh và giảm phát thải khí nhà kính.⁵⁴ Điều này khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào các hoạt động giảm phát thải, thông qua các cơ chế như cho vay ưu đãi, bảo lãnh tín dụng, và tài trợ trực tiếp.

Hai là, cần cơ chế bảo hiểm rủi ro và định giá sàn cho tín chỉ carbon. Cơ chế bảo hiểm rủi ro sẽ giúp cho các dự án tín chỉ carbon để giảm thiểu rủi ro tài chính và tăng cường niềm tin của nhà đầu tư. Các nghiên cứu về thị trường carbon và tài chính khí hậu cho thấy bảo hiểm có thể góp phần cân bằng giữa rủi ro và đổi mới, hỗ trợ đánh giá rủi ro dự án, nâng cao mức độ chấp nhận rủi ro và củng cố tính ổn định của thị trường.⁵⁵ Cần định giá sàn cho tín chỉ carbon nhằm thiết lập mức giá tối thiểu cho tín chỉ carbon nhằm ổn định thị trường và đảm bảo lợi ích cho các dự án giảm phát thải. Khi có biến động giá cả tín chỉ carbon, gây khó khăn cho việc lập kế hoạch tài chính của các DN, việc định giá carbon, bao gồm cả cơ chế định giá sàn, là công cụ quan trọng để chuyển gánh nặng thiệt hại do phát thải khí nhà kính trở lại cho những nguồn gây ra phát thải, từ đó thúc đẩy các DN giảm phát thải.⁵⁶

3.3. Xây dựng chính sách thuế ưu đãi cho giao dịch tín chỉ carbon

Trước tiên, cần xem xét miễn hoặc giảm thuế đối với thu nhập từ tín chỉ carbon và trái phiếu xanh. Tín chỉ carbon và trái phiếu xanh là công cụ tài chính góp phần giảm phát thải khí nhà kính và thúc đẩy đầu tư xanh. Tuy nhiên, việc thu nhập từ các giao dịch này bị đánh thuế cao làm giảm tính hấp dẫn và khả năng huy động vốn. Tại một số quốc gia như Singapore, các khoản thu nhập từ hoạt động tín chỉ carbon, nếu đạt tiêu chuẩn quốc tế và phục vụ SDGs, được miễn thuế hoặc áp dụng thuế suất ưu đãi.

VN có thể xem xét miễn hoặc giảm thuế thu nhập DN đối với khoản thu nhập phát sinh từ bán tín chỉ carbon đạt chuẩn quốc tế, đặc biệt là các tín chỉ phát sinh từ dự án nội địa. Hoặc có thể miễn thuế thu nhập cá nhân trong một thời hạn nhất định đối với cá nhân, tổ chức phi lợi nhuận tham gia vào các chương trình hợp tác giảm phát thải được Nhà nước khuyến khích và đồng thời thực hiện miễn hoặc giảm thuế

53 Nguyễn Cúc, “Đề xuất lập quỹ tài chính hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ”, *Báo điện tử Công lý*, 2025, <https://congly.vn/de-xuat-lap-quy-tai-chinh-ho-tro-doanh-nghiep-doi-moi-cong-nghe-474443.html>, truy cập ngày 30/3/2025.

54 Thái Hà, “Quỹ đầu tư xanh: toàn cầu đã bùng nổ, Việt Nam mới chập chững”, *GreenFi Vietnam*, 2024, <https://vietnamfinance.vn/quy-dau-tu-xanh-toan-cau-da-bung-no-viet-nam-moi-chap-chung-d114717.html>, truy cập ngày 02/4/2025.

55 Alexandra Hermann, Dr. Peter Köferl, Jan Philip Mairhöfer, “Climate risk insurance: New approaches and schemes”, *Allianz Working Paper*, 2016, https://www.allianz.com/content/dam/onemarketing/azcom/Allianz_com/migration/media/economic_research/publications/working_papers/en/ClimateRisk.pdf, truy cập ngày 07/04/2026.

56 Carbon Pricing Leadership Coalition, *tlld*.

giá trị gia tăng đối với trái phiếu xanh phát hành nhằm tài trợ cho dự án giảm phát thải được xác nhận bởi cơ quan có thẩm quyền.

Tiếp đó, VN cần nghiên cứu và vận dụng kinh nghiệm quốc tế, đặc biệt từ EU, Hoa Kỳ và Singapore, để xây dựng lộ trình thuế carbon phù hợp. VN có thể từng bước áp dụng thí điểm đối với các ngành phát thải lớn như điện, xi măng, thép, đồng thời thiết kế chính sách ưu đãi thuế nhằm khuyến khích DN đầu tư vào công nghệ giảm phát thải, qua đó giảm thiểu tác động chi phí. Thực tiễn cho thấy EU duy trì thuế carbon bổ sung đối với các lĩnh vực nằm ngoài phạm vi ETS (như giao thông, xây dựng);⁵⁷ Hoa Kỳ triển khai cơ chế giao dịch carbon cấp bang kết hợp với tín dụng thuế cho đầu tư xanh;⁵⁸ Singapore áp dụng thuế carbon từ năm 2019 (dự kiến tăng lên 45 SGD/tCO₂ vào năm 2026) đồng thời ban hành chính sách hỗ trợ thuế cho DN đổi mới công nghệ và tham gia thị trường tín chỉ carbon chất lượng cao.⁵⁹ Để đạt hiệu quả điều tiết, VN cần đồng bộ hóa thuế carbon với VCM, tránh hiện tượng đánh thuế kép và bảo đảm tính hiệu quả trong kiểm soát phát thải.

Cuối cùng, cần có ưu đãi thuế nhằm khuyến khích DN đầu tư vào lĩnh vực giảm phát thải. Chẳng hạn việc áp dụng thuế suất thu nhập DN ưu đãi 10% trong 15 năm đối với DN đầu tư vào Dự án thuộc Danh mục dự án phát thải thấp được Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Tài chính xác nhận. Cần thực hiện khấu trừ chi phí đầu tư xanh vào chi phí tính thuế, ví dụ: DN đầu tư hệ thống năng lượng tái tạo, thiết bị tiết kiệm năng lượng, hoặc công nghệ thu giữ carbon, được khấu trừ 150% giá trị đầu tư vào chi phí được trừ. Ngoài ra, cần miễn thuế nhập khẩu đối với các thiết bị phục vụ dự án giảm phát thải đủ điều kiện cấp tín chỉ carbon.

Kết luận

Thị trường tín chỉ carbon tự nguyện đóng vai trò quan trọng trong chiến lược giảm phát thải khí nhà kính và thực hiện các cam kết khí hậu quốc gia của Việt Nam. Để phát huy tiềm năng của thị trường này, việc xây dựng một khung pháp lý đầy đủ, minh bạch và khả thi là yêu cầu cấp thiết, đặc biệt là các quy định cụ thể về giao dịch, quyền sở hữu, cơ chế giám sát – xác minh tín chỉ carbon. Bên cạnh đó, chính sách tài chính và thuế phù hợp – như thành lập quỹ tài chính xanh, cơ chế bảo hiểm rủi ro và định giá sàn cho tín chỉ carbon – sẽ tạo đòn bẩy thu hút đầu tư và đảm bảo tính ổn định của thị trường. Đây chính là những định hướng chiến lược, có tính nền tảng, nhằm phát triển thị trường tín chỉ carbon tự nguyện bền vững tại Việt Nam trong tiến trình hội nhập và chuyển dịch sang nền kinh tế xanh, phát thải thấp. ●

Tài liệu tham khảo

- [1] Daron Acemoglu, Philippe Aghion, Leonardo Bursztyn, David Hemous, “The environment and directed technical change”, *American Economic Review*, Vol. 102(1), 2012, DOI: <https://doi.org/10.1257/aer.102.1.131>
- [2] Carbon Pricing Leadership Coalition, “Report of the high-level commission on carbon pricing and competitiveness”, *International Bank for Reconstruction and Development - the World Bank*, 2019

57 Trần Công Chính và Lại Văn Mạnh, “Kinh nghiệm chính sách tài chính cho thị trường các-bon ở Việt Nam”, *Tạp chí môi trường*, số 12, 2025.

58 Alvin Hollyman and Kimberly Collins, *tlđđ*.

59 National Climate Change Secretariat (Singapore), “Carbon Tax”, *National Climate Change Secretariat Singapore (NCCS)*, <https://www.nccs.gov.sg/singapores-climate-action/mitigation-efforts/carbontax/>, truy cập ngày 04/4/2025.

- [3] Ayomikun David Ajayi, Lindiwe Hayo, Joel Paul Iliya, Hideo Hasegawa, “Exploring voluntary carbon markets as a tool for sustainable agriculture in Nigeria: Opportunities and challenges”, *Scientific African*, Vol. 29, September 2025, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.sciaf.2025.e02923>
- [4] European Commission’s Directorate-General for Joint Research Centre, “Vietnam CO2 Emissions: Tonnes of CO2 Equivalent per Capita per Year”, *CEIC*, 2023,.
- [5] Alvin Hollyman and Kimberly Collins, “California’s cap-and-trade program: is it effective in advancing social, economic, and environmental equity?”, *Public Administration and Policy*, Vol. 26(2), 2023, tr. 128, DOI: <https://doi.org/10.1108/PAP-06-2022-0069>
- [6] Axel Michaelowa, Igor Shishlov, Stephan Hoch, Patricio Bofill, Aglaja Espelage, “Overview and comparison of existing carbon crediting schemes”, *Nordic Environment Finance Corporation (NEFCO)*, 2019, DOI: <https://doi.org/10.5167/uzh-175378>
- [7] Nguyễn Hoàng Nam, “Mô hình định giá các-bon trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Môi trường*, số 7, 2023 [trans: Nguyễn Hoàng Nam, “Global carbon pricing models and lessons learned for Vietnam”, *Environmental Magazine*, No. 07, 2023]
- [8] Lâm Nguyễn, “Ứng dụng thực tiễn của tín chỉ carbon đối với nền kinh tế. Bài XIV: Bảo hiểm cho thị trường carbon – cơ chế giảm thiểu rủi ro và gia tăng niềm tin vào thị trường”, *Tạp chí điện tử doanh nghiệp hội nhập*, 2024 [trans: Alexandra Hermann, Dr. Peter Köferl, and Jan Philip Mairhöfer, “Climate Risk Insurance: New Approaches and Schemes”, *Allianz Working Paper*, 2016]
- [9] Raúl C. Rosales and others, “Voluntary carbon markets in ASEAN: Challenges and opportunities for scaling up”, *Imperial College Business School - Imperial College London Consultants*, 2021
- [10] Ruiting Wu Ruiting and others, *A comprehensive bibliometric review of voluntary carbon markets: Trends and future directions*, IOP Publishing Ltd, 2025
- [11] Jeffrey D. Sachs, Wing Thye Woo, Naoyuki Yoshino, Farhad Taghizadeh-Hesary, “Why is green finance important?”, *ADB Working Paper - Tokyo: Asian Development Bank Institute*, số 917, 2019,
- [12] Gregor Spilker and Nick Nugent, “Voluntary carbon market derivatives: growth, innovation & usage”, *Borsa Istanbul Review*, Vol. 22 (Supplement 2), 2022, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.bir.2022.11.008>
- [13] Phạm Thu Thủy, Hoàng Tuấn Long, Đào Thị Linh Chi, Trần Ngọc Mỹ Hoa, Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Thủy Anh, *Kinh nghiệm của 87 quốc gia trong việc xác định và chuyển nhượng quyền các-bon*, Báo cáo chuyên đề 218, Tổ chức Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế (CIFOR), 2021 [trans: Phạm Thu Thủy, Hoàng Tuấn Long, Đào Thị Linh Chi, Trần Ngọc Mỹ Hoa, Nguyễn Thị Vân Anh, Nguyễn Thị Thủy Anh, *Experiences of 87 countries in defining and transferring carbon rights*, Special Report 218, International Forestry Research Organization (CIFOR), 2021], DOI: <https://doi.org/10.17528/cifor/007992>
- [14] Lê Minh Vũ, “Nghiên cứu sớm xây dựng khung pháp lý cho thị trường mua bán tín chỉ carbon tại Việt Nam”, *Tạp chí điện tử pháp lý*, 2024 [trans: Vũ Lê Minh, “Early research to establish a legal framework for the carbon credit trading market in Vietnam”, *Phap Ly Electronic Press*, 2024]
- [15] Yanli Wang, Na Zhao, Xiaodong Lei and Ruyin Long, “Green finance innovation and regional green development”, *Sustainability*, Vol. 13(15), 2021, DOI: <https://doi.org/10.3390/su13158230>
- [16] World Bank Group, “Testing resilience”, *Western Balkans Regular Economic Report*, No. 23, 2023,
- [17] Gongliang Wu, Xu Liu and Yueling Cai, “The impact of green finance on carbon emission efficiency”, *Heliyon*, Vol. 10(1), 2024, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2023.e23803>
- [18] Phùng Thị Yến và Vũ Thị Kiều Trang, “Khung pháp lý quốc tế về quyền carbon và quyền phát thải”, *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 11(183), 2024 [trans: Phùng Thị Yến và Vũ Thị Kiều Trang, “International legal framework on carbon rights and emission rights”, *Vietnam Journal of Legal Sciences*, Vol. 183(11), 2024], DOI: <https://doi.org/10.70236/tckhplvn.164>
- [19] Trần Công Chính và Lại Văn Mạnh, “Kinh nghiệm chính sách tài chính cho thị trường các-bon ở Việt Nam”, *Tạp chí môi trường*, số 12, 2025. [trans: Trần Công Chính & Lại Văn Mạnh, “Financial policy experience for the carbon market in Vietnam”, *Environmental Magazine*, No. 12, 2025]